

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH PT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16 tháng 4 năm 2025
“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB-TỈNH PT

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Luyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Mạnh Cường;
2. Ông Tống Như Hải.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh PT tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Huyện TB, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04a/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 về: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn Ngô Thôn, xã XL, huyện GB, tỉnh BN.

* **Bị đơn:** Anh **Đỗ Văn N**, sinh năm 2000; Địa chỉ: Khu 26, xã HC, huyện TB, tỉnh PT.

(Chị V có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau ngày 21 tháng 02 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã XL, huyện GB, tỉnh BN. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống tại khu 26, xã HC, huyện TB, tỉnh PT một thời gian rồi đi thành phố Hà Nội làm ăn. Vợ chồng chị làm nghề tự do, thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, tình cảm vợ chồng hòa thuận. Khoảng từ

năm 2024, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau nên cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Mặc dù gia đình hai bên nội ngoại đã nhiều lần hòa giải để chị V và anh N hàn gắn nhưng không thành, chị và anh N đã sống ly thân hơn 1 năm nay. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không về chung sống với nhau được nên chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là cháu: Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 10/11/2023. Hiện nay cháu Đ đang ở cùng với chị V. Sau ly hôn, chị V xin được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình và các vấn đề khác: Chị Nguyễn Thị V không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho anh N nhưng anh N không đến Tòa án để giải quyết, không có bản trình bày ý kiến, vắng mặt tại tất cả các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.*

Theo thông tin mẹ đẻ anh Đỗ Văn N là bà Đỗ Thị Thọ cung cấp cũng như kết quả xác minh tại địa phương xã HC cho thấy: Anh N và chị V kết hôn với nhau năm 2023. Sau khi kết hôn, anh N và chị V về ở tại nhà bà Thọ một thời gian thì anh chị đi làm ăn tại thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, chị V và anh N phát sinh mâu thuẫn do chị V cho rằng anh N không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Từ cuối năm 2023 đến nay, chị V và anh N ly thân, không còn chung sống với nhau. Nay chị V xin ly hôn, bà Thọ được biết anh N nhất trí ly hôn với chị V. Về con chung: anh N đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Đ cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng và anh N được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Do chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh N không cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình và các vấn đề khác: anh N không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự là vắng mặt không có lý do; Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, tình tiết của vụ án, các quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử:*

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 1 khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V;

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Đỗ Văn N.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị V được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 10/11/2023.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị V không yêu cầu quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị V và anh Đỗ Văn N là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu 26, xã HC, huyện TB, tỉnh PT. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng Đ hợp lệ các Văn bản tố tụng của Toà án nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do; chị Nguyễn Thị V đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên vụ án không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đỗ Văn N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị V, anh N, là đúng quy định của pháp luật.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị V và anh Đỗ Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đăng ký kết hôn nhau ngày 21 tháng 02 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã XL, huyện GB, tỉnh BN, do vậy hôn nhân giữa chị V và anh N là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị V và anh N hiện nay đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau; không còn thực hiện N vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không Đ được. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị V là có căn cứ. Vì vậy, cần xử cho chị V được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: Chị V và anh N có 01 con chung là cháu Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 10/11/2023. Hiện nay cháu Đ đang được chị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Toà án xác minh, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Con chung của chị V và anh N hiện đang dưới 36 tháng tuổi, rất cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc trực tiếp của người mẹ, vì vậy giao con chung cho chị V nuôi dưỡng là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con: chị V tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi nên không xem xét yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác*: Chị V không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. *Căn cứ vào*: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 1 khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Đỗ Văn N.

[3]. *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị V được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 10/11/2023.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung;

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[4]. *Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác*: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị V đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0001987 ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện TB.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã XL, huyện GB;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Luyện